TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2018/DS-PT
Ngày: 26/01/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xuân.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng.
Bà Nguyễn Thị Thoa.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Thủy.
Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:
Bà Nguyễn Thị Mộng Linh là Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19/01/2018 và ngày 26/01/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 489/DSPT ngày 18/10/2017 về: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do bản án dân sự sơ thẩm số 302/2017/DS-ST, ngày 15/8/2017 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị K.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2438/2017/QĐPT-DS ngày 01/11/2017 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 600/2018/QĐPT ngày 19/01/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

NguY đơn: Bà Lê Thị H. Sinh năm 1958.
Địa chỉ: 106 đường Q, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tô Việt Y. Sinh năm 1982.
Địa chỉ: 173 đường T, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền số 008074 Quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/11/2017 tại Văn phòng Công chứng V, 81 đường T, phường K, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị K. Sinh năm 1977.
Địa chỉ: 504/21 đường K, phường K, quận P, Tp. Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: 182 đường H, phường O, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người bảo vệ quyền và lợi ích của hợp pháp của bị đơn:
Luật sư Ông Trần Văn H1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ: 182 đường H, phường O, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn L. Sinh năm 1973.

Địa chỉ: 504/21 đường L, phường K, quận P, Tp. Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: 182 đường H, phường O, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Đăng Ngọc T. Sinh năm 1977.
Địa chỉ: 106 đường Q, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tô Việt Y. Sinh năm 1982.
Địa chỉ: 173 đường T, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền số 008074 Quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/11/2017 tại Văn phòng Công chứng V, 81 đường T, phường K, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh).

Tại phiên tòa các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày*:**

Bà Nguyễn Thị K có mượn của bà số tiền 2.486.000.000 đ (hai tỷ bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng) theo giấy mượn tiền ngày 22/9/2015, thời hạn mượn là 03 tháng, kể từ ngày 22/9/2015, không tính tiền lãi và bà không giữ bất kỳ giấy tờ, tài sản thế chấp gì của bà K. Bà K nói mượn tiền để làm ăn nhưng không rõ làm việc gì. Khi bà K mượn tiền thì cH bà K là ông Nguyễn Văn L có biết, nhưng không đồng ý ký giấy mượn tiền vì cho rằng các tài sản do bà K đứng tên. Khi đến hạn trả nợ thì bà K luôn né tránh, không thanh toán. Nay bà yêu cầu bà K trả cho bà số tiền gốc là 2.486.000.000 đ (hai tỷ bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 30/12/2016 bị đơn bà Nguyễn Thị K trình bày:
Bà xác nhận chữ ký tại giấy mượn tiền ngày 22/9/2015 giữa bà và bà Lê Thị H do bà ký và ghi họ tên, tuy nhiên trên thực tế bà chỉ mượn 800.000.000 đ (tám trăm triệu đồng) của bà H và con bà H là Nguyễn Đăng Ngọc T. Do bà không có tiền trả tiền lãi nên bà H yêu cầu bà ký nhận mượn số tiền 2.486.000.000 đ (hai tỷ bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng). Nay bà không đồng ý trả số nợ theo yêu cầu của bà H. Ngoài ý kiến trình bày trên bà không có bổ sung chứng cứ gì và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ.

Tại bản tự khai ngày 06/6/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Đăng Ngọc T trình bày:
Bà là con gái ruột của bà H, số tiền bà H cho bà K mượn theo giấy mượn tiền ngày 22/9/2015 là tiền của bà H, không liên quan đến bà và bà cũng không cho bà K mượn tiền như lời bà K trình bày tại bản tự khai ngày 30/12/2016, nếu bà K có chứng cứ chứng minh việc bà cho bà K mượn tiền thì đề nghị bà K xuất trình để đối chất. Bà không có chứng cứ gì nộp cho Tòa và cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tòa án không tiến hành hòa giải và đối chất được do bị đơn bà Nguyễn Thị K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lê Thị H vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày.

Bị đơn bà Nguyễn Thị K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng bà K và ông L vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Đăng Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 302/2017/DS-ST ngày 15/8/2017 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 227, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 27 và Mục 2 Phần I Danh mục kèm theo Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 12.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị H:

Buộc bà Nguyễn Thị K phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị H số tiền 2.486.000.000 đ (hai tỷ bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng), thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, nếu không có thỏa thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thực hiện tương đương với thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 81.720.000 đ (tám mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) buộc bà Nguyễn Thị K nộp. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí 42.848.800 đ (bốn mươi hai triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm đồng) cho bà Lê Thị H theo biên lai thu số 0025686 ngày 11/11/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận P.

Ngoài ra án sơ thẩm còn T quyền kháng cáo và biện pháp chế tài đối với người không tự nguyện thi hành án.

Trong thời hạn luật định ngày 02/10/2017 bà Nguyễn Thị K kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Bà không nhận được bất kỳ giấy triệu tập nào của Tòa án về việc đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt bà là vi phạm thủ tục tố tụng. Bà chỉ có vay của bà Lê Thị H số tiền 800.000.000 đ (tám trăm triệu đồng), nhưng bà H cộng lãi suất thành số tiền 2.486.000.000 đ (hai tỷ bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng) là không phù hợp. Bà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử hủy bản án sơ thẩm vì đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà. Bà xuất trình trước phiên tòa Thông báo số 8064/TB-CAP ngày 25/6/2015 về việc bà đã đăng ký tạm trú tại địa chỉ nhà số 235A đường X, Khu phố N, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 25/6/2015 đến ngày 25/6/2017 và đương sự không thực tế cư trú tại địa phương từ tháng 01/2016.

Ông Tô Việt Y là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị H đề nghị xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về hình thức:

Xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị K nằm trong thời hạn luật định và bà K đã nộp đủ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên chấp nhận kháng cáo hợp lệ và được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Tại đơn khởi kiện ngày 23/8/2016, bà Lê Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị K trả số tiền vay gốc là 2.486.000.000 đ (hai tỷ bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng). Đây là tranh chấp về Hợp đồng dân sự theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị K, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/8/2016 nguyên đơn bà Lê Thị H xác định người bị kiện là Nguyễn Thị K có địa chỉ tại số 504/21 đường L, phường K, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi Tòa án nhân dân quận P thụ lý hồ sơ số 370/2016/DSST ngày 11/11/2016, theo như Biên bản xác minh tại Công an phường A, quận T cung cấp thì đúng là bà Nguyễn Thị K đã không sinh sống ở Quận P mà đã đăng ký tạm trú tại quận T. Nhưng căn cứ tại bản tự khai của bà Nguyễn Thị K ngày 30/12/2016 (Bl49) bà K khai thường trú tại 504/21 đường L, phường K, quận P và tạm trú tại số 18 đường C, phường K, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh và tại bản tự khai bà K đã trình bày: ***"Đề nghị Tòa án triệu tập tôi duy nhất theo địa chỉ số 18 đường C, phường K, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh"***.

Như vậy, theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2017 thủ tục cấp, tống đạt, thông báo trực tiếp cho cá nhân:

1. Văn bản tố tụng được cấp, tống đạt, thông báo đến địa chỉ mà các đương sự đã gửi cho Tòa án theo phương thức đương sự yêu cầu hoặc tới địa chỉ mà các đương sự đã thỏa thuận và đề nghị Tòa án liên hệ theo địa chỉ đó…".

Căn cứ vào địa chỉ bà K cung cấp, Tòa án cấp sơ thẩm đã lập nhiều lần các biên bản tống đạt không thành và biên bản niêm yết vào các ngày 13/6/2017; ngày 03/7/2017; ngày 31/7/2017 theo địa chỉ mà bà K cung cấp nhưng tất cả các biên bản phiên họp ngày 13/4/2017, ngày 26/5/2017, ngày 28/6/2017 bà K đều vắng mặt.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các Điều 177, Điều 179, Điều 180 Khoản 1 Điều 227, điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Nguyễn Thị K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Đăng Ngọc T. Các biên bản tống đạt hợp lệ đúng thủ tục tố tụng dân sự nên yêu cầu kháng cáo của bị đơn cho rằng Tòa án vi phạm thủ tục tố tụng là không đúng và không có cơ sở chấp nhận.

Tuy nhiên, Tòa án nhân dân quận P cần rút kinh nghiệm trong việc tống đạt cho các đương sự, cũng còn có nhiều điểm chưa chặt chẽ. Văn bản tố tụng do Văn phòng thừa phát lại tống đạt cho các đương sự tham gia tố tụng chưa đầy đủ. Tòa phúc thẩm xét thấy đây là vụ án tranh chấp dân sự về đòi nợ, nếu hủy án sơ thẩm giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm để điều tra, xét xử lại cũng không làm thay đổi bản chất, nội dung của vụ kiện, dẫn đến vụ kiện kéo dài gây khó khăn cho các bên đương sự và Tòa án các cấp.

Về nội dung:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn: Bà Lê Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị K trả số tiền vay gốc là 2.486.000.000 đ (hai tỷ bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng).

Xét thấy, bà Nguyễn Thị K và bà Lê Thị H ký giấy mượn tiền ngày 22/9/2015, giao dịch dân sự này thực hiện trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Nội dung giấy mượn tiền ngày 22/9/2015 thể hiện bà K mượn của bà H số tiền 2.486.000.000 đ (hai tỷ bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng), thời hạn mượn là 03 tháng, đồng thời bà K xác nhận chữ ký tại giấy mượn tiền ngày 22/9/2015 do bà ký và ghi họ tên nên đây là Hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 471, Khoản 1 Điều 478 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

Bà K trình bày bà không mượn số tiền 2.486.000.000 đ (hai tỷ bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng), của bà H mà chỉ mượn 800.000.000 đ (tám trăm triệu triệu đồng) của bà H và con gái bà H (bà Nguyễn Đăng Ngọc T).

Tòa nhân dân quận P đã thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp và thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ số 45/TB-CCCC ngày 02/6/2017 yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị K cung cấp các chứng cứ chứng minh bà chỉ mượn của bà H và bà Nguyễn Đăng Ngọc T (con bà H) số tiền 800.000.000 đ (tám trăm triệu đồng), không phải số tiền 2.486.000.000 đ (hai tỷ bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng) theo giấy mượn tiền ngày 22/9/2015 và các tài liệu, chứng cứ chứng minh bà đã thanh toán số tiền nợ cho bà H theo giấy mượn tiền ngày 22/9/2015 nhưng bà K đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, nên Toà án cấp sơ thẩm không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà K là phù hợp với Điều 91 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bà H xác định số tiền bà cho bà K mượn là toàn bộ tài sản của bà, không liên quan đến bà T (con gái của bà) như lời bà K trình bày.

Căn cứ giấy mượn tiền ngày 22/9/2015 thể hiện bà K mượn của bà H số tiền 2.486.000.000 đ (hai tỷ bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng), thời hạn là 03 tháng. Bị đơn không có chứng cứ chứng minh việc thanh toán khoản tiền gốc cho nguyên đơn theo hợp đồng nêu trên. Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc 2.486.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là có lợi cho phía bị đơn và có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 474 của Bộ Luật dân sự năm 2005 và Khoản 2, Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị K có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền 2.486.000.000 đ (hai tỷ bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng) là có cơ sở và đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà K không có tài liệu nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để buộc bị đơn phải trả cho nguY đơn số tiền 2.486.000.000 đồng là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, do vậy yêu cầu kháng cáo của bị đơn không có cơ sở và không được chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 2.486.000.000 đồng, nên bị đơn

phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Khoản 2 Điều 27 và Mục 2 Phần I Danh mục kèm theo Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Hoàn lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 42.848.800 đồng.

Án phí phúc thẩm bà Nguyễn Thị K phải nộp là 300.000 đồng được trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà K đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009885 ngày 09/10/2017 tại Chi cục thi hành án Dân sự quận P là xong án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;
Căn cứ các Điều 301; Điều 308; Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 227, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 27 và Mục 2 Phần I Danh mục kèm theo Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 12.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị K.
Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị H:

Buộc bà Nguyễn Thị K phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị H số tiền 2.486.000.000 đ (hai tỷ bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng), thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, nếu không có thỏa thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thực hiện tương đương với thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 81.720.000 đ (tám mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) buộc bà Nguyễn Thị K nộp.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 42.848.800 đ (bốn mươi hai triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm đồng) cho bà Lê Thị H theo biên lai thu số 0025686 ngày 11/11/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận P.

Án phí phúc thẩm bà Nguyễn Thị K phải nộp là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà K đã nộp là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0009885 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận P là xong án phí phúc thẩm.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực thi hành ngay sau khi T án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao (1);
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM (1);
- Viện kiểm sát NDTp.HCM (2);
- Cục THA Dân sự Tp.HCM (1);
- Tòa án nhân dân quận P (2);
- Chi cục THADân sự quận P (1);
- Các đương sự (7);
- Lưu (10). (25b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Xuân